



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

- Kiểm toán
- Tư vấn Thuế
- Tư vấn Tài chính
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Audit
- Tax consulting
- Financial advisory
- Valuation

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 24



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Thanh Hải	Chủ tịch
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Chủ tịch
Ông Mai Văn Minh	Ủy viên
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Bà Trịnh Thị Lan Phương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2017)
Ông Trần Quốc Tuấn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2017)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Hoàng Thanh Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2017





Số: 285 /VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11/08/2017, từ trang 03 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ. (gọi chung là "báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

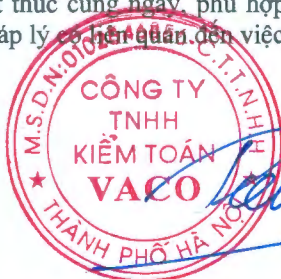
**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, và kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Đức Tiên**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0517-2013-156-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

**Văn phòng Hồ Chí Minh**  
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ  
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616.

**Văn phòng Hải Phòng**  
499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-31) 353 4655/ Fax: (84-31) 353 4316

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017*

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>125.140.453.110</b>	<b>119.269.521.283</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.855.404.599</b>	<b>5.169.771.079</b>
1. Tiền	111	5	1.855.404.599	5.169.771.079
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>12.569.144.109</b>	<b>14.075.068.596</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.391.560.276	9.167.925.257
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	651.958.300	5.347.801.885
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		159.181.064	192.896.985
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(633.555.531)	(633.555.531)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>110.126.384.043</b>	<b>99.217.215.794</b>
1. Hàng tồn kho	141		110.126.384.043	99.217.215.794
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>589.520.359</b>	<b>807.465.814</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	392.610.529	522.044.317
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		196.909.830	285.421.497
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>86.623.600.834</b>	<b>89.843.201.522</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>86.623.600.834</b>	<b>89.843.201.522</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	75.809.351.974	78.907.467.902
- Nguyên giá	222		99.965.899.818	98.630.446.235
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.156.547.844)	(19.722.978.333)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	10.814.248.860	10.935.733.620
- Nguyên giá	228		11.068.476.000	11.068.476.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(254.227.140)	(132.742.380)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>211.764.053.944</b>	<b>209.112.722.805</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>63.443.525.114</b>	<b>63.686.392.147</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>57.654.970.114</b>	<b>51.650.637.147</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	36.895.138.014	7.082.296.837
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.354.677.302	1.331.586.704
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.550.948.671	983.516.829
4. Phải trả người lao động	314		2.756.608.103	2.869.624.714
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.350.000.000	238.459.981
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	559.471.994	68.032.674
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	8.649.187.000	36.980.045.573
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.538.939.030	2.097.073.835
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.788.555.000</b>	<b>12.035.755.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	5.788.555.000	12.035.755.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>148.320.528.830</b>	<b>145.426.330.658</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>148.320.528.830</b>	<b>145.426.330.658</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.922.000.000	94.922.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.922.000.000	94.922.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.958.872.795	5.690.950.636
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.439.656.035	44.813.380.022
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		38.235.861.354	31.731.818.105
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.203.794.681	13.081.561.917
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>211.764.053.944</b>	<b>209.112.722.805</b>



Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2017



Trịnh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng



Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		173.425.472.629	183.574.415.459
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		551.289.320	740.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	20	172.874.183.309	182.834.415.459
4. Giá vốn hàng bán	11	21	150.638.966.470	160.011.258.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		22.235.216.839	22.823.157.080
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	44.956.895	9.727.362
7. Chi phí tài chính	22	24	1.038.120.865	748.053.901
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		753.231.285	669.769.816
8. Chi phí bán hàng	25	25	4.098.333.871	4.570.350.105
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	7.073.483.238	7.282.864.351
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		10.070.235.760	10.231.616.085
11. Thu nhập khác	31		204.611.363	162.066.279
12. Chi phí khác	32		20.103.771	10.959
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		184.507.592	162.055.320
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.254.743.352	10.393.671.405
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.050.948.671	2.078.734.281
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		8.203.794.681	8.314.937.124
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27		821



Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2017



Trịnh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng



Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc



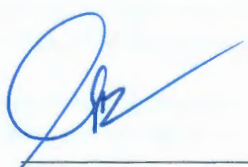
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	187.669.602.324	194.127.032.522
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(133.277.469.692)	(164.155.251.940)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.665.420.971)	(10.563.308.367)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(884.332.954)	(719.546.513)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.270.390.479)	(1.966.258.586)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	685.064.511	631.009.643
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.108.824.890)	(6.148.128.808)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>37.148.227.849</b>	<b>11.205.547.951</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.437.058.280)	(13.824.764.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	34.925.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.931.174	9.727.362
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.358.202.106)</b>	<b>(13.815.036.638)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	62.958.214.563	72.659.285.827
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(97.536.273.136)	(66.806.915.360)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.526.333.650)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(39.104.392.223)</b>	<b>5.852.370.467</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(3.314.366.480)</b>	<b>3.242.881.780</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.169.771.079</b>	<b>2.933.748.354</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>1.855.404.599</b>	<b>6.176.630.134</b>

  
Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2017

  
Trịnh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng

  
Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000691 ngày 13/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 10/08/2012. Công ty có trụ sở tại số 734 Nguyễn Văn Linh, Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 94.922.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2017 là 236 người (tại ngày 31/12/2016: 246 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm Giá mua và các chi phí mua liên quan trực tiếp: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Số năm khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.332.893.873	864.566.663
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	522.510.726	4.305.204.416
	<u>1.855.404.599</u>	<u>5.169.771.079</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>12.391.560.276</b>	<b>9.167.925.257</b>
Công ty TNHH Một thành viên Quang điện - Điện tử	2.853.336.610	1.286.102.000
Công ty Hà Nội Ching hai Electric Works Co., Ltd	1.270.142.632	973.166.887
Công ty TNHH Thương mại SX Xây dựng Phú Đức Phát	1.260.209.721	1.621.257.681
Công ty TNHH TM & DV Vận tải Việt Khoa	908.819.451	1.082.335.569
Công ty TNHH Đồng Kỹ thuật Korea Việt Nam	295.218.000	421.124.000
Cửa hàng Hưng Chanh	-	1.288.892.474
Các đối tượng khác	5.803.833.862	2.495.046.646

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>651.958.300</b>	<b>5.347.801.885</b>
Công ty TNHH SX & TM - DV Cường Vinh	-	2.960.000.000
Các đối tượng khác	651.958.300	2.387.801.885

**8. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
DNTN Thuận Phong	277.523.670	-	277.523.670	-
Công ty CP Điện cơ 1991	119.012.498	-	119.012.498	-
Công ty Cổ phần Việt Hàn	6.330.516	-	6.330.516	-
DNTN Điện cơ Tây Đô	9.282.625	-	9.282.625	-
Công ty TNHH sản xuất và TM Quạt điện Việt Nam	4.687.061	2.343.529	4.687.061	2.343.529
Công ty TNHH Dây - Cáp & Vật liệu điện KEVIN	219.062.690	-	219.062.690	-
	<b>635.899.060</b>	<b>2.343.529</b>	<b>635.899.060</b>	<b>2.343.529</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.111.627.758	-	31.381.595.538	-
Công cụ, dụng cụ	225.887.429	-	238.966.573	-
Chi phí SXKD dở dang	4.776.220.982	-	5.806.752.141	-
Thành phẩm	22.994.364.426	-	27.205.925.093	-
Hàng hóa	49.018.283.448	-	34.583.976.449	-
	<b>110.126.384.043</b>	<b>-</b>	<b>99.217.215.794</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<b>392.610.529</b>	<b>522.044.317</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	296.960.370	372.412.159
Các khoản chi phí khác	95.650.159	149.632.158



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG  
Số 734 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày đầu kỳ	68.471.847.451	23.768.709.958	6.322.227.407	67.661.419	98.630.446.235
Mua sắm mới	-	1.437.058.280	-	-	1.437.058.280
Thanh lý, nhượng bán	-	(101.604.697)	-	-	(101.604.697)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>68.471.847.451</b>	<b>25.104.163.541</b>	<b>6.322.227.407</b>	<b>67.661.419</b>	<b>99.965.899.818</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày đầu kỳ	10.342.252.087	6.979.684.339	2.370.400.686	30.641.221	19.722.978.333
Khấu hao trong kỳ	1.896.642.115	2.283.685.533	325.749.704	9.053.700	4.515.131.052
Thanh lý, nhượng bán	-	(81.561.541)	-	-	(81.561.541)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>12.238.894.202</b>	<b>9.181.808.331</b>	<b>2.696.150.390</b>	<b>39.694.921</b>	<b>24.156.547.844</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	58.129.595.364	16.789.025.619	3.951.826.721	37.020.198	78.907.467.902
Tại ngày cuối kỳ	56.232.953.249	15.922.355.210	3.626.077.017	27.966.498	75.809.351.974

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 là 10.765.871.437 VND (tại ngày 31/12/2016: 12.841.753.011 VND) và giá trị quyền sử dụng đất tại số 20 Đinh Tiên Hoàng với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 là 10.784.248.860 VND (tại ngày 31/12/2016: 10.893.733.620 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 với giá trị là 2.726.162.752 VND (tại ngày 31/12/2016: 342.554.663 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày đầu kỳ	10.948.476.000	120.000.000	11.068.476.000
Tại ngày cuối kỳ	10.948.476.000	120.000.000	11.068.476.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày đầu kỳ	54.742.380	78.000.000	132.742.380
- Khấu hao trong kỳ	109.484.760	12.000.000	121.484.760
Tại ngày cuối kỳ	164.227.140	90.000.000	254.227.140
<b>Giá trị còn lại</b>			-
Tại ngày đầu kỳ	10.893.733.620	42.000.000	10.935.733.620
Tại ngày cuối kỳ	10.784.248.860	30.000.000	10.814.248.860

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	36.895.138.014	36.895.138.014	7.082.296.837	7.082.296.837
Công ty TNHH MITSUBISHI ELECTRIC Việt Nam	28.736.741.000	28.736.741.000	242.946.000	242.946.000
Công ty TNHH SX & TMDV Cường Vinh	2.150.626.460	2.150.626.460	-	-
Công ty CP Điện cơ Thống Nhất	746.997.900	746.997.900	995.997.200	995.997.200
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Sao đỏ	390.891.090	390.891.090	851.239.950	851.239.950
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Dương Tường Giang	-	-	893.377.802	893.377.802
CN Công ty CP Thương mại và SXCN Đại Việt tại Bắc Ninh	-	-	825.750.000	825.750.000
Phải trả các đối tượng khác	4.869.881.564	4.869.881.564	3.272.985.885	3.272.985.885

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế xuất, nhập khẩu	-	477.725.719	477.725.719	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	770.390.479	2.050.948.671	1.270.390.479	1.550.948.671
Thuế thu nhập cá nhân	213.126.350	241.117.549	454.243.899	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	385.933.500	385.933.500	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	983.516.829	3.163.725.439	2.596.293.597	1.550.948.671



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.350.000.000</b>	<b>238.459.981</b>
Trích trước chi phí lãi tiền vay	-	74.115.156
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	1.350.000.000	164.344.825

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>559.471.994</b>	<b>68.032.674</b>
Lãi vay phải trả	-	59.850.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	559.471.994	8.182.674

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>8.649.187.000</b>	<b>8.649.187.000</b>	<b>90.436.273.136</b>	<b>62.105.414.563</b>	<b>36.980.045.573</b>	<b>36.980.045.573</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>5.828.787.000</b>	<b>5.828.787.000</b>	<b>87.689.073.136</b>	<b>59.358.214.563</b>	<b>34.159.645.573</b>	<b>34.159.645.573</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng (i)	5.828.787.000	5.828.787.000	84.468.479.936	59.358.214.563	30.939.052.373	30.939.052.373
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng	-	-	3.220.593.200	-	3.220.593.200	3.220.593.200
Vay cá nhân	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>2.820.400.000</b>	<b>2.820.400.000</b>	<b>2.747.200.000</b>	<b>2.747.200.000</b>	<b>2.820.400.000</b>	<b>2.820.400.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng (ii)	2.674.000.000	2.674.000.000	73.200.000	73.200.000	2.674.000.000	2.674.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng (iii)	146.400.000	146.400.000	2.674.000.000	2.674.000.000	146.400.000	146.400.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>5.788.555.000</b>	<b>5.788.555.000</b>	<b>6.247.200.000</b>	<b>-</b>	<b>12.035.755.000</b>	<b>12.035.755.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng (ii)	5.764.755.000	5.764.755.000	2.674.000.000	-	8.438.755.000	8.438.755.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng (iii)	23.800.000	23.800.000	73.200.000	-	97.000.000	97.000.000
Vay cá nhân	-	-	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000

**Ghi chú:**

- (i) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016-HỆTDHM/NHCT-166-ĐCHP ngày 17/06/2016 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng và văn bản sửa đổi HỆTD số 01/2016-HỆTDHM-SĐBS/NHCT-166-ĐCHP ngày 24/10/2016. Hạn mức tối đa được giải ngân: 40.000.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay: bổ sung vốn lưu động nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 16/06/2017. Lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với đất đai tại số 734 Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT/2012 ký ngày 28/09/2012.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng bao gồm 03 Hợp đồng tín dụng:
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2015-HĐTDDA/NHCT166-ĐHCP ngày 29/01/2015 với hạn mức 3.370.000.000 VND. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán các chi phí hợp lý thuộc "Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, phương tiện vận tải" của Công ty. Lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/VKT ngày 01/10/2010 và hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/VKT ngày 18/11/2010 cùng các phụ lục sửa đổi kèm theo.
  - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 02/2015- HĐTDDA/NHCT166- ĐCHP ngày 23/09/2015 với hạn mức 3.850.000.000 VND. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán các chi phí hợp lý thuộc "Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, phương tiện vận tải" của Công ty. Lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/VKT ngày 01/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/VKT ngày 18/11/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT ngày 28/09/2012, Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/MMTB/2012 ngày 28/09/2012, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/TC/NHCT/ĐCHP ngày 29/01/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/TC/ NHCT/ĐCHP ngày 23/09/2015 cùng các phụ lục sửa đổi kèm theo.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDDDA/NHCT-166-ĐCHP ngày 17/06/2016, hạn mức 8.400.000.000 VND. Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: thanh toán các chi phí hợp lý để thực hiện dự án đầu tư "Mua lại nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước tại số 20 Đình Tiên Hoàng, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng". Lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ, được xác định theo định kỳ 3 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/VKT ngày 01/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/VKT ngày 18/11/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT ngày 28/09/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐTCTS/NHCT-ĐCHP ngày 17/06/2016.
- (iii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 32.14.257.1813703.TD ngày 22/08/2014 với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng với số tiền 585.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên ngày 21/08/2014. Khoản vay chịu lãi suất theo điều chỉnh từng thời điểm trên từng khế ước nhận nợ (lãi suất kỳ đầu tiên trong năm 2014 là 8,8%/năm) và được trả hàng kỳ bắt đầu từ ngày 25 và kết thúc ngày 24 tháng sau. Mục đích vay là để bổ sung vốn mua 01 xe ô tô tải Hino (Cabin Chassi). Công ty dùng xe ô tô tải thùng kín 3 chỗ, nhãn hiệu HINO biển kiểm soát 15C-097.82 để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn ngân hàng được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.820.400.000	2.820.400.000
Trong năm thứ hai	2.697.800.000	2.771.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.090.755.000	5.764.755.000
	<b>8.608.955.000</b>	<b>11.356.155.000</b>
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)</i>	2.820.400.000	2.820.400.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>5.788.555.000</b>	<b>8.535.755.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>4.037.115.642</b>	<b>43.117.047.931</b>	<b>142.076.163.573</b>
Lãi trong năm	-	-	13.081.561.917	13.081.561.917
Phân phối lợi nhuận	-	1.397.751.650	(11.449.052.310)	(10.051.300.660)
Tăng khác	-	336.468.344	63.822.484	400.290.828
Giảm khác	-	(80.385.000)	-	(80.385.000)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>5.690.950.636</b>	<b>44.813.380.022</b>	<b>145.426.330.658</b>
Lãi trong kỳ	-	-	8.203.794.681	8.203.794.681
Phân phối lợi nhuận (i)	-	1.308.156.192	(6.577.518.668)	(5.269.362.476)
Giảm khác (ii)	-	(40.234.033)	-	(40.234.033)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2017</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>6.958.872.795</b>	<b>46.439.656.035</b>	<b>148.320.528.830</b>

**Ghi chú:**

- (i) Phân phối lợi nhuận trong kỳ bao gồm việc trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 06/2017/DHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017.

Nội dung	Số tiền (VND)
Trích quỹ đầu tư phát triển	1.308.156.192
Trích quỹ khen thưởng	261.631.238
Trích quỹ phúc lợi	261.631.238
Xác định cổ tức chi trả còn lại của năm 2016	4.746.100.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.577.518.668</b>

- (ii) Giảm khác trong kỳ thể hiện khoản chi thù lao HĐQT và BKS.

Trong năm 2016, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2016 cho các cổ đông là 4.746.100.000 VND.

Trong kỳ này, Công ty đã trả phần cổ tức còn lại năm 2016 cho các cổ đông là 4.746.100.000 VND.

**Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	9.492.200	9.492.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ các loại (USD)	3.044,35	5.423,35



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	173.425.472.629	183.574.415.459
	<b>173.425.472.629</b>	<b>183.574.415.459</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	551.289.320	740.000.000
Trong đó:		
- Chiết Khấu thương mại	551.289.320	740.000.000
	<b>172.874.183.309</b>	<b>182.834.415.459</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	150.638.966.470	160.011.258.379
	<b>150.638.966.470</b>	<b>160.011.258.379</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.947.413.474	74.040.566.874
Chi phí nhân công	11.821.499.113	12.852.911.052
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.636.615.812	4.396.896.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.073.587.357	3.987.884.168
Chi phí khác bằng tiền	3.109.189.731	3.571.826.384
	<b>84.588.305.487</b>	<b>98.850.085.380</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.055.254	9.727.362
Chênh lệch tỷ giá	901.641	-
	<b>44.956.895</b>	<b>9.727.362</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	753.231.285	669.769.816
Chiết khấu thanh toán	284.889.580	78.200.000
Chi phí tài chính khác	-	84.085
	<b>1.038.120.865</b>	<b>748.053.901</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	4.879.909.480	4.768.535.017
Chi phí đồ dùng văn phòng	37.052.055	60.639.940
Chi phí khấu hao TSCĐ	495.345.165	373.829.610
Thuế, phí và lệ phí	512.115.468	347.034.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.720.626	399.092.600
Các khoản chi phí QLDN khác	980.340.444	1.333.732.426
<b>Cộng</b>	<b>7.073.483.238</b>	<b>7.282.864.351</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	942.329.682	1.006.938.978
Chi phí khấu hao TSCĐ	364.938.283	372.526.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	750.022.625	727.781.865
Chi phí bảo hành	1.300.000.000	1.781.000.023
Các khoản chi phí bán hàng khác	741.043.281	682.102.624
<b>Cộng</b>	<b>4.098.333.871</b>	<b>4.570.350.105</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.254.743.352	10.393.671.405
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	10.254.743.352	10.393.671.405
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.050.948.671</b>	<b>2.078.734.281</b>

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**27. LÃI CƠ BÁN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	8.203.794.681	8.314.937.124
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(523.262.476)
Lợi nhuận/ (lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.203.794.681	7.791.674.648
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.492.200	9.492.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	864	821
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất đồ điện dân dụng: quạt điện, lồng quạt...; Ngoài ra kinh doanh thương mại nhập khẩu một số loại quạt điện nhưng trong cùng khu vực. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu tại trụ sở chính đặt tại số 734 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng. Công ty không có đơn vị phụ thuộc nào tại các địa bàn ngoài tỉnh. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản vay	14.437.742.000	49.015.800.573
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(1.855.404.599)	(5.169.771.079)
Nợ thuần	12.582.337.401	43.846.029.494
Vốn chủ sở hữu	148.320.528.830	145.426.330.658
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,08</b>	<b>0,30</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.855.404.599	5.169.771.079
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.907.615.030	8.675.464.711
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.763.019.629</b>	<b>13.845.235.790</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	14.437.742.000	49.015.800.573
Phải trả người bán và phải trả khác	37.454.610.008	7.150.329.511
Chi phí phải trả	1.350.000.000	238.459.981
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.242.352.008</b>	<b>56.404.590.065</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

#### *Rủi ro thị trường*

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.855.404.599	-	1.855.404.599
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.907.615.030	-	11.907.615.030
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.763.019.629</b>	<b>-</b>	<b>13.763.019.629</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Các khoản vay	8.649.187.000	5.788.555.000	14.437.742.000
Phải trả người bán và phải trả khác	37.454.610.008	-	37.454.610.008
Chi phí phải trả	1.350.000.000	-	1.350.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.453.797.008</b>	<b>5.788.555.000</b>	<b>53.242.352.008</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(33.690.777.379)</b>	<b>(5.788.555.000)</b>	<b>(39.479.332.379)</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.169.771.079	-	5.169.771.079
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.675.464.711	-	8.675.464.711
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.845.235.790</b>	<b>-</b>	<b>13.845.235.790</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Các khoản vay	36.980.045.573	12.035.755.000	49.015.800.573
Phải trả người bán và phải trả khác	7.150.329.511	-	7.150.329.511
Chi phí phải trả	238.459.981	-	238.459.981
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.368.835.065</b>	<b>12.035.755.000</b>	<b>56.404.590.065</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(30.523.599.275)</b>	<b>(12.035.755.000)</b>	<b>(42.559.354.275)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:**

	<u>Kỳ này</u>
	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	612.843.258

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét.



Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2017



Trịnh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng



Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc